

Bản án số: 51/2024/HSST

Ngày: 24/7/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tùng Châu

2. Bà Dương Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2024/TLST-HS, ngày 05 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HS, ngày 21 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Văn T**, sinh năm 1972; tại Nam Định; nơi cư trú tại **số T, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định**; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Đỗ Văn T1** và bà **Nguyễn Thị H**; bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 02 con (sinh năm 2004 và 2008); tiền sự: Không; tiền án: 02 (ngày 20/01/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và ngày 25/01/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 21 tháng tù về tội trộm cắp tài sản), chấp hành xong ngày 24/01/2018. Nhân thân, ngày 29/12/1998, bị **Công an thị xã V**, tỉnh Vĩnh Long xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích; ngày 28/4/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản; ngày 03/9/2015, bị **Công an thành phố N**, tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo bị

bắt ngày 19/02/2024 và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/02/2024 cho đến nay.
(có mặt)

* Bị hại: **Nguyễn Thị Kim T2**; địa chỉ **ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long**. (vắng mặt)

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: **Võ Thu H1**; địa chỉ **số A, đường N, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long**. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/7/2018, bị cáo **Đỗ Văn T** đi xe ô tô khách từ **thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố V, tỉnh Vĩnh Long** để thăm bạn gái là **Võ Thu H1** và ở lại cùng với chị **H1** tại tiệm làm tóc địa chỉ **số D, đường M, Phường C, thành phố V**.

Khoảng 15 giờ ngày 11/7/2018, bị cáo **T** mượn xe mô tô biển số 64B1-548.97 của chị **H1** đến **siêu thị C trên Đường C tháng B, Phường A, thành phố V** để mua đồ. Khi vào bãi giữ xe của siêu thị, bị cáo nhìn thấy chị **Nguyễn Thị Kim T2** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vission, biển số 64B1-812.78 đến gửi ở bãi xe của siêu thị và đậu gần vị trí xe 64B1-548.97, trong lúc chị **T2** mở cốp xe để cất nón bảo hiểm, bị cáo nhìn thấy trong cốp xe có 01 cái bóp da nên nảy sinh ý định lấy trộm để kiếm tiền tiêu xài, bị cáo đứng chờ chị **T2** đi khỏi bãi xe của siêu thị, bị cáo đi lại vị trí chị **T2** đậu xe dẫn xe chị **T2** đi xuống cuối bãi xe, cách vị trí đậu xe ban đầu khoảng 15 mét, hướng ra đường về **Phường B**, bị cáo dùng tay trái nâng yên xe lên, tay phải đưa vào cốp xe lấy trộm cái bóp bỏ vào túi quần bên trái, sau đó lấy xe mô tô biển số 64B1-548.97 điều khiển khỏi bãi xe của siêu thị, khi đi được một đoạn khoảng 500 mét, bị cáo dừng xe lại, mở bóp ra lấy hết tiền trong bóp để vào túi quần, còn giấy tờ và cái bóp bị cáo ném bỏ ven đường. Khi về nhà, bị cáo lấy tiền ra kiểm tra thì thấy có 9 tờ mệnh giá 500.000đ và một số tờ tiền mệnh giá nhỏ, tổng cộng khoảng 4.800.000đ đến 5.000.000đ; bị cáo lấy số tiền 2.000.000đ cho chị **H1** và nói đây là tiền bị cáo mới rút ở Ngân hàng.

Về phía bị hại **Nguyễn Thị Kim T2**, khoảng 06 giờ ngày 12/7/2018, chị **T2** mở cốp xe thì phát hiện bị mất trộm số tiền 5.000.000đ, một thẻ ATM của **ngân hàng Đ**, giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, giấy đăng ký xe mô tô 64B1-812.78 mang tên **Nguyễn Thị Kim T2** nên chị **T2** đã đến **Công an P, thành phố V** để trình báo sự việc.

Qua kiểm tra camera tại bãi xe của **siêu thị C** và sàng lọc đối tượng nghi vấn, **Công an P** đã tiến hành mời **Đỗ Văn T** đến làm việc. Qua làm việc bị cáo **T** thừa nhận đã lấy trộm tiền của chị **T2** nên **Công an P** đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra **Công an thành phố V** để điều tra xử lý theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, bị cáo **Đỗ Văn T** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, mục đích bị cáo lấy trộm tiền của bị hại là để tiêu xài.

Hành vi của **Đỗ Văn T3** cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự nên ngày 31/8/2018, Cơ quan Cảnh sát Điều tra **Công an thành phố V** khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với **Đỗ Văn T**. Sau đó, **T** bỏ trốn nên ngày 30/10/2018 Cơ quan Điều tra đã ra Quyết định truy nã đối với **Đỗ Văn T**. Đến ngày 19/02/2024, **T** bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra **Công an huyện Ý**, tỉnh Nam Định bắt giữ tại **thôn M, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định**.

Đối với chị **Võ Thu H1** không biết số tiền 2.000.000đ mà bị cáo **T** cho là do trộm cắp mà có, chị **H1** đã tự nguyện giao nộp lại số tiền trên cho Công an nên không xem xét xử lý với chị **H1**.

Tại cáo trạng số: 48/CT-VKSND-TPVL, ngày 31/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã truy tố bị cáo **Đỗ Văn T** về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm và khẳng định nội dung cáo trạng truy tố bị cáo **Đỗ Văn T** là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo **Đỗ Văn T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị phạt bị cáo mức án từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (H2) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tiền và không có yêu cầu bồi thường thêm nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo **Đỗ Văn T** nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo **Đỗ Văn T** thừa nhận các lời khai trong quá trình điều tra là do bị cáo tự khai và khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã nêu; thống nhất quan điểm luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại xong. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời trình bày và khai nhận tội của bị cáo Đỗ Văn T tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, vào khoảng 15 giờ ngày 11/7/2018, tại bãi giữ xe của siêu thị C trên Đường 3 tháng 2 thuộc Phường A, thành phố V bị cáo T thấy chị Nguyễn Thị Kim T2 mở cốp xe, bên trong có cái bóp da nên nảy sinh ý định trộm cắp; bị cáo chờ chị T2 đi khỏi rồi đến dẫn xe chị T2 xuống cuối bãi giữ xe nhằm tránh sự chú ý của mọi người; sau khi quan sát không thấy ai trông giữ thì bị cáo dùng tay trái nâng yên xe và dùng tay phải đưa vào bên trong cốp xe lấy cái bóp, bên trong bóp da có số tiền 5.000.000đ và một số giấy tờ tùy thân của chị T2; bị cáo đã lấy số tiền sử dụng còn các giấy tờ thì vứt lại ven đường. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội danh và hình phạt của bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã đề nghị truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người bị hại; hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân, bị xã hội lên án và pháp luật nghiêm cấm. Bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã nhận thức được hành vi mà

mình thực hiện là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thực hiện với quyết tâm cao, nhằm mong muốn có tiền tiêu xài cá nhân. Hơn nữa, bị cáo có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản bị phạt 30 tháng tù chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, xét về nhân thân của bị cáo cũng có 01 tiền án mặc dù đã được xóa án tích nhưng bị cáo không thấy ăn năn hối cải mà vẫn tiếp tục phạm tội. Điều đó nói lên sự xem thường pháp luật của bị cáo, do đó cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì mới có tác dụng răn đe, giáo dục cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét thấy đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Nhưng trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại xong. Cho nên, có đủ cơ sở cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, nhưng cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định cho bị cáo học tập, cải tạo để sửa chữa trở thành người có ích cho xã hội sau này.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Kim T2 đã nhận lại số tiền 5.000.000đ và không còn yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với chị Võ Thu H1 không biết số tiền 2.000.000đ bị cáo cho do phạm tội mà có nên tự nguyện nộp lại và không có yêu cầu gì đối với bị cáo. Do đó, việc chị T2 và chị H1 đều vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, xét thấy việc vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Văn T nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Đỗ Văn T 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt 19/02/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét giải quyết.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Đỗ Văn T nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ; (03 bản)
- Trại giam Công an TPVL; (01 bản)
- Tòa án Tỉnh; (01 bản)
- Viện kiểm sát ND tỉnh VL; (01 bản)
- Công an thành phố Vĩnh Long; (01 bản)
- Viện kiểm sát ND TPVL; (01 bản)
- Chi cục Thi hành án DS TPVL; (01 bản)
- Cơ quan THA HS Công an TPVL; (01 bản)
- Sở Tư pháp Vĩnh Long; (01 bản)
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh VL; (01 bản)
- UBND xã Yên Khang, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; (01 bản để thông báo)
- Lưu: Hồ sơ vụ án. (01 bản)

Võ Tấn Thành